

Số: /BC-STC

Hà Nam, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường, công tác trọng tâm tháng 4 năm 2023 và kế hoạch triển khai công tác tháng 5 năm 2023

Căn cứ Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ tài chính Quy định chế độ báo cáo giá thị trường.

Sở Tài chính Hà Nam báo cáo tình hình giá cả thị trường, công tác trọng tâm tháng 4 năm 2023 và kế hoạch triển khai công tác tháng 5 năm 2023 như sau:

I. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 4 năm 2023

1. Trên cơ sở tham khảo số liệu do Cục Thống kê tỉnh Hà Nam điều tra, Sở Tài chính lập bảng chi tiết chỉ số giá tiêu dùng tháng 4 năm 2023 như sau:

DVT: %

	Chỉ số giá tháng báo cáo so với:		
	Kỳ gốc 2019	Tháng 4/2023 so với tháng 4/2022	Tháng 4/2023 so với tháng 3/2023
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	111,18	102,63	100,02
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	113,79	104,23	100,26
<i>Trong đó:</i>			
Lương thực	112,46	101,11	100,36
Thực phẩm	113,56	103,92	100,29
Ăn uống ngoài gia đình	116,12	108,52	100,00
Đồ uống và thuốc lá	107,07	103,64	100,10
May mặc, giày dép và mũ nón	112,59	103,95	100,51
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	117,89	101,91	99,23
Thiết bị và đồ dùng gia đình	108,80	104,36	100,06
Thuốc và dịch vụ y tế	102,05	100,08	100,01
Giao thông	114,53	97,97	100,46
Bưu chính viễn thông	97,25	100,00	100,00
Giáo dục	105,64	103,25	100,00
Văn hoá, giải trí và du lịch	101,69	102,17	100,26

	Chỉ số giá tháng báo cáo so với:		
	Kỳ gốc 2019	Tháng 4/2023 so với tháng 4/2022	Tháng 4/2023 so với tháng 3/2023
Hàng hóa và dịch vụ khác	109,67	104,62	99,97
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	145,01	100,24	103,09
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	101,80	102,55	99,14

2. Phân tích chi tiết như sau:

- Chỉ số giá tiêu dùng các mặt hàng tháng 4/2023 tăng 0,02% so với tháng 3/2023, tăng 2,63% so với tháng 4 năm trước, trong đó:

+ Có 07 nhóm chỉ số tăng so với tháng trước: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,26%; Đồ uống và thuốc lá tăng 0,1%; May mặc, giày dép và mũ nón tăng 0,51%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,06%; Thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,01%; Giao thông giảm 0,46%; Văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,26%.

+ Có 02 nhóm chỉ số giảm so với tháng trước: Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD giảm 0,77%; Hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,03%.

+ 02 nhóm chỉ số giá ổn định so với tháng trước: Bru chính viễn thông; Giáo dục.

- Chỉ số giá vàng tăng 3,09% so với tháng trước.

- Chỉ số giá đô la Mỹ giảm 0,86% so với tháng trước.

II. Diễn biến giá cả thị trường tháng 4 năm 2023

1. Giá lương thực thực phẩm: giá gạo tẻ thường dao động trong khoảng từ 12.000-14.000đ/kg; giá thóc tẻ thường từ 7.400đ/kg-7.600đ/kg; gạo tám thơm Hải Hậu dao động trong khoảng từ 18.000đ/kg-20.000đ/kg...

2. Giá các loại thực phẩm tươi sống

- Giá các loại thịt: Giá thịt lợn hơi dao động từ 46.000đ/kg đến 55.000đ/kg; thịt lợn thăn dao động từ 115.000đ/kg đến 130.000đ/kg; thịt lợn mỡ dao động từ 100.000-120.000đ/kg, giá thịt bò thăn dao động từ 230.000đ/kg đến 250.000đ/kg; gà ta còn sống loại 1kg/con giá từ 100.000đ/kg đến 110.000đ/kg; gà công nghiệp làm sẵn dao động từ 60.000đ/kg đến 65.000đ/kg...

- Giá một số loại thủy, hải sản: cá chép loại 0,5kg/con giá dao động từ 50.000 đ/kg đến 60.000 đ/kg; cá quả (cá lóc) loại 0,5kg/con giá dao động từ 90.000 đ/kg đến 110.000 đ/kg, cá thu loại 1 kg giá từ 150.000 đ/kg-170.000đ/kg, tôm rảo loại 40 con/kg dao động từ 230.000 - 270.000 đồng/kg...

- Giá các loại rau củ quả: Cà chua: 15.000đ/kg-25.000đ/kg; bí xanh 13.000đ/kg-15.000đ/kg; bắp cải: 10.000 – 15.000 đồng/cái; khoai tây 10.000-15.000 đ/kg...

3. Giá một số mặt hàng đường, bia rượu, bánh kẹo, thuốc lá: đường RE giá dao động từ 23.000 đ/kg đến 27.000đ/kg; bia chai Hà Nội giá dao động từ 220.000 đ/kết đến 240.000 đồng/kết 24 chai; bia lon Hà Nội giá dao động từ 250.000 đ/thùng đến 280.000 đồng/thùng...

4. Giá xăng dầu: Trong tháng 4 năm 2023, giá xăng dầu điều chỉnh từ 15h00' ngày 03/4/2023 theo Văn bản số 1886/BCT-TTTN của Bộ Công thương; từ 15h00' ngày 11/4/2023 tại Văn bản số 2075/BCT-TTTN của Bộ Công thương; từ 17h00' ngày 21/4/2023 tại Văn bản số 2390/BCT-TTTN của Bộ Công thương. Hiện nay, Xăng RON 95-III có giá 24.100đ/lít; xăng E5 Ron 92-II có giá 23.130đ/lít; Dầu Đizen 0,05S-II có giá 19.770đ/lít.

5. Giá Gas petrolimex giảm so với tháng trước: dao động từ 397.000 đồng đến 410.000 đồng mỗi bình dân dụng 12kg van ngang hoặc van đứng.

6. Giá phân bón giảm so với tháng trước: giá phân NPK Phú Mỹ được giao dịch ở mức 15.100-15.700 đồng, Urê Hà Bắc từ 10.700-11.700 đồng/kg;.....

7. Giá vàng: Giá vàng 99.99% tăng so với tháng trước: dao động từ 5.500.000 đồng/chỉ đến 5.600.000 đồng/chỉ.

III. Công tác đã triển khai tháng 4 năm 2023

1. Công tác thẩm định giá đất cụ thể:

- Thẩm định hồ sơ, Phương án giá đất cụ thể để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm tại huyện Lý Nhân.

- Thẩm định hồ sơ, Phương án giá đất cụ thể để giao đất tái định cư trên địa bàn thành phố Phủ Lý.

- Thẩm định hồ sơ, Phương án giá đất khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn thành các huyện: Lý Nhân, Bình Lục, Thanh Liêm.

2. Phối hợp với các ngành thực hiện định giá tài sản trong tổ tụng hình sự theo quy định.

3. Theo dõi sát diễn biến tình hình giá cả thị trường và thực hiện công tác báo cáo giá cả thị trường về UBND tỉnh và Cục quản lý giá - Bộ Tài chính

IV. Kế hoạch triển khai công tác tháng 5 năm 2023.

1. Tăng cường công tác tham mưu về giá đất đảm bảo sát với thị trường đối với các dự án theo quy định.

2. Phối hợp với các ngành thực hiện định giá tài sản trong tổ tụng hình sự theo quy định.

3. Tiếp tục theo dõi tình hình giá cả thị trường, kịp thời nắm bắt thông tin giá cả trên địa bàn tỉnh để báo cáo Bộ Tài chính, UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là báo cáo tình hình giá cả thị trường, công tác trọng tâm đã triển khai tháng 4 năm 2023 và kế hoạch triển khai công tác tháng 5 năm 2023. Sở Tài chính Hà Nam trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Giá (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, GCS.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vũ Văn Thư